

7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

%

	Chỉ số giá tháng 02 năm 2021 so với:				Chỉ số giá bình quân 02 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Tháng 02 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 01 năm 2021	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	104,52	100,98	102,01	101,50	100,23
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,06	105,13	102,35	102,01	104,56
<i>Trong đó:</i> Lương thực	109,51	114,92	103,33	102,78	114,38
Thực phẩm	111,13	103,91	103,05	102,64	102,56
Ăn uống ngoài gia đình	99,95	101,99	100,00	100,00	103,62
Đồ uống và thuốc lá	105,29	102,86	102,24	102,14	101,85
May mặc, mũ nón và giày dép	105,29	102,46	101,74	101,62	101,58
Nhà ở và vật liệu xây dựng	107,96	94,90	103,36	102,48	93,49
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,72	101,69	100,41	100,36	101,53
Thuốc và dịch vụ y tế	100,11	100,10	100,00	100,00	100,09
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	94,38	91,48	104,31	101,69	89,39
Bưu chính viễn thông	99,75	99,71	99,84	99,92	99,75
Giáo dục	101,67	100,70	100,00	100,00	100,71
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	101,76	100,70	100,00	100,00	100,70
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,51	97,13	99,89	100,01	97,19
Hàng hóa và dịch vụ khác	103,20	104,01	101,37	100,98	103,69
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	131,82	123,23	102,26	99,93	124,64
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,55	99,50	99,42	99,70	99,73